



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư
Dragon Capital Việt Nam**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15 tháng 7 năm 2003

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số

179/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 8 năm 2003
58/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 3 năm 2005
766/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 12 năm 2006
253/QĐ-UBCK	ngày 5 tháng 4 năm 2007
16/UBCK-GP	ngày 23 tháng 6 năm 2008
45/UBCK-GP	ngày 8 tháng 1 năm 2009
63/UBCK-GP	ngày 24 tháng 2 năm 2010
73/UBCK-GP	ngày 24 tháng 6 năm 2010
79/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2010
361/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 4 năm 2012
36/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 5 năm 2012
17/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 6 năm 2013
06/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 1 năm 2019
88/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 12 năm 2020
39/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 6 năm 2021
76/GPĐC-UBCK	ngày 7 tháng 9 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Hội đồng Quản trị

Ông Dominic Timothy Charles Scriven	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Tân	Phó Chủ tịch
Ông Beat Schurch	Thành viên
Ông Lê Anh Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Thành viên

Ban Giám đốc Ông Beat Schurch Tổng Giám đốc

Ủy Ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Chủ tịch
Ông Lê Anh Minh	Thành viên

Trụ sở đăng ký Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của chúng tôi bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00297-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B01a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		786.006.883.752	729.276.386.535
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	137.960.497.495	77.912.790.881
Tiền	111		13.960.497.495	6.312.790.881
Các khoản tương đương tiền	112		124.000.000.000	71.600.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	520.769.219.801	540.954.365.380
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	121		528.847.912.389	556.814.124.493
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(8.078.692.588)	(15.859.759.113)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.311.620.621	102.354.954.620
Trả trước cho người bán	132		1.921.318.384	2.884.808.954
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	103.574.007.504	98.217.254.263
Phải thu ngắn hạn khác	135	7(a)	4.816.294.733	1.252.891.403
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.965.545.835	8.054.275.654
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	16.965.545.835	8.054.275.654

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		214.614.101.029	218.780.100.414
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.888.301.390	6.886.619.350
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	6.888.301.390	6.886.619.350
Tài sản cố định	220		117.048.571.922	101.072.769.248
Tài sản cố định hữu hình	221	8	9.322.492.072	11.025.980.547
Nguyên giá	222		22.897.988.082	22.897.988.082
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.575.496.010)	(11.872.007.535)
Tài sản cố định vô hình	227	9	72.449.144.145	76.300.686.002
Nguyên giá	228		94.039.510.976	89.257.491.279
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.590.366.831)	(12.956.805.277)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	35.276.935.705	13.746.102.699
Đầu tư tài chính dài hạn	250		44.398.099.673	61.673.965.798
Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	11	44.398.099.673	61.673.965.798
Tài sản dài hạn khác	260		46.279.128.044	49.146.746.018
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	26.623.698.054	32.631.149.347
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	19.655.429.990	16.515.596.671
Tài sản dài hạn khác	268	14	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.000.620.984.781	948.056.486.949

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		141.012.971.301	139.588.100.048
Nợ ngắn hạn	310		141.012.971.301	139.588.100.048
Phải trả người bán ngắn hạn	312	15	3.199.706.092	4.423.637.259
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	44.676.469.283	58.280.635.408
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	88.277.149.945	72.577.983.352
Phải trả ngắn hạn khác	319		4.859.645.981	4.305.844.029
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		859.608.013.480	808.468.386.901
Vốn cổ phần	411	18	311.419.430.000	311.419.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.963.180.000	6.963.180.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		25.792.349.257	25.792.349.257
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.754.075.939	17.754.075.939
Lợi nhuận chưa phân phối	420		497.678.978.284	446.539.351.705
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.000.620.984.781	948.056.486.949

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Ngoại tệ các loại	005	20	3.712.647.303	898.436.704
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	21	4.869.602.236	9.728.002.053
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		4.869.602.236	9.728.002.053
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	22	780.260.166.294	880.868.561.976
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		780.260.166.294	880.868.561.976
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	23	83.224.647.968	131.564.813.336
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	24	1.290.156.842	437.224.640

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

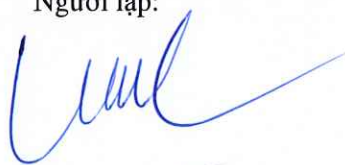
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B02a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	25	487.673.797.028	599.862.257.519
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	13.619.241.877	14.775.372.895
Chi phí tài chính	22	27	(7.276.715.827)	164.662.726
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	326.342.964.871	329.257.818.345
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 22 - 25)	30		182.226.789.861	285.215.149.343
Thu nhập khác	31	29	3.636.364	159.340.687
Chi phí khác	32	30	-	567.500.000
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		3.636.364	(408.159.313)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		182.230.426.225	284.806.990.030
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	40.804.803.965	48.885.152.390
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(3.139.833.319)	8.443.476.194
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		144.565.455.579	227.478.361.446
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	4.642	7.305

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01	482.317.043.787	599.000.318.962
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(89.464.576.493)	(80.070.370.196)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(148.907.471.049)	(196.186.024.906)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(52.095.472.427)	(47.410.507.978)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	(369.408.179)	717.603.969
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(67.364.688.641)	(97.621.859.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	124.115.426.998	178.429.160.527
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(26.312.852.703)	(34.556.743.640)
Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ	24	46.452.200.000	-
Tiền chi đầu tư vào cổ phiếu	25	-	(13.114.290.968)
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27	9.187.721.738	9.391.501.958
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.327.069.035	(38.279.532.650)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả cổ tức	36	(93.425.829.000)	(140.138.743.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(93.425.829.000)	(140.138.743.500)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	60.016.667.033	10.884.377
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	77.912.790.881	102.065.506.096
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	31.039.581	144.862.500
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	137.960.497.495	102.221.252.973

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

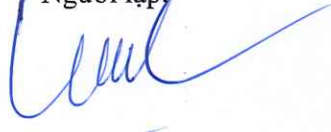
Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B05a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	446.539.351.705	808.468.386.901
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	144.565.455.579	144.565.455.579
Chia cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(93.425.829.000)	(93.425.829.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	497.678.978.284	859.608.013.480
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	362.860.540.255	724.789.575.451
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	227.478.361.446	227.478.361.446
Chia cổ tức	-	-	-	-	(140.138.743.500)	(140.138.743.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	450.200.158.201	812.129.193.397

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNNVN”) cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 8 tháng 1 năm 2009 là ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn cổ phần của Công ty là 311.419 triệu VND (31/12/2022: 311.419 triệu VND).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 182 nhân viên (31/12/2022: 176 nhân viên), trong đó có 31 nhân viên (31/12/2022: 31 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ này, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào, bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin và phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá hạch toán trên sổ sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 7 tháng 4 năm 2022 (“Thông tư 24”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCOM và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất đến ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày kết thúc kỳ kế toán thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, giá thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các trái phiếu doanh nghiệp này.

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá thực tế trên thị trường là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quỹ công bố.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch trên UPCOM, Công ty xác định dự phòng rủi ro cho từng chứng khoán bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc tham khảo tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập dựa trên số năm làm việc của người lao động và mức lương bình quân của họ trong thời gian sáu tháng trước khi kết thúc kỳ kế toán, trừ đi số tiền trợ cấp thôi việc đã được Công ty chi trả. Số năm làm việc của người lao động để tính trợ cấp thôi việc không bao gồm thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

(k) Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo hướng dẫn của Thông tư 114, số dư còn lại có thể được sử dụng như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định của Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc được sử dụng theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông, của Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định có liên quan khác.

Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của các quỹ này tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán và quỹ hưu trí, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Tài sản được nắm giữ theo hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là tài sản thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng các số liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh cho kỳ trước được bao gồm như một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và chỉ nhằm mục đích đọc liên quan đến các số liệu và các thuyết minh khác liên quan đến kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc lưu chuyển tiền tệ của kỳ trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tiền mặt	130.197.309	113.897.784
Tiền gửi ngân hàng	13.830.300.186	6.198.893.097
Các khoản tương đương tiền (*)	124.000.000.000	71.600.000.000
	137.960.497.495	77.912.790.881

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất năm từ 4,30% đến 5,00% (31/12/2022: 6,00%).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh (a)	510.192.706.548	510.192.706.548
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	18.655.205.841	46.621.417.945
	528.847.912.389	556.814.124.493
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (c)	(8.078.692.588)	(15.859.759.113)
	520.769.219.801	540.954.365.380

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2023			Dự phòng giảm giá VND	31/12/2022			Dự phòng giảm giá VND
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND		Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
▪ DCIP(*)	26.713.848	249.000.000.000	273.895.216.343	-	26.713.848	249.000.000.000	265.803.858.840	-
▪ DCBF(*)	8.274.112	180.000.000.000	200.265.289.767	-	8.274.112	180.000.000.000	192.555.802.909	-
Chứng chỉ quỹ niêm yết								
▪ FUEDCMID(*)	6.900.000	65.537.066.548	63.411.000.000	(2.126.066.548)	6.900.000	65.537.066.548	55.890.000.000	(9.647.066.548)
Cổ phiếu chưa niêm yết								
▪ THA	655.200	15.655.640.000	9.703.013.960	(5.952.626.040)	655.200	15.655.640.000	9.747.394.350	(5.908.245.650)
		<u>510.192.706.548</u>	<u>547.274.520.070</u>	<u>(8.078.692.588)</u>		<u>510.192.706.548</u>	<u>523.997.056.099</u>	<u>(15.555.312.198)</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ lần lượt 95% (31/12/2022: 90%), 51% (31/12/2022: 44%) và 73% (31/12/2022: 73%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của DCIP, DCBF và FUEDCMID.

Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các quỹ được Công ty đầu tư. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các quỹ được đầu tư mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó, các khoản đầu tư vào các chứng chỉ quỹ của Công ty được ghi nhận như chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(c), thay vì được hợp nhất hay hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Trái phiếu niêm yết				
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND)	18.655.205.841	-	-	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)	-	-	46.621.417.945	(304.446.915)
	18.655.205.841	-	46.621.417.945	(304.446.915)

Trái phiếu niêm yết do VND phát hành đáo hạn vào ngày 7 tháng 3 năm 2024 và hưởng lãi suất 8,2%/năm (31/12/2022: trái phiếu niêm yết do KBC phát hành đáo hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2023 và hưởng lãi suất 10,8%/năm).

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
	Số dư đầu kỳ	15.859.759.113
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	15.859.759.113
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(7.781.066.525)	-
Số dư cuối kỳ	8.078.692.588	15.859.759.113

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán - các bên liên quan (Thuyết minh 32) (i)	79.444.796.348	74.974.015.948
<i>Trong đó:</i>		
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	79.444.796.348	74.974.015.948
Phải thu hoạt động quản lý quỹ - các bên liên quan (Thuyết minh 32) (i)	22.839.054.314	22.806.013.675
<i>Trong đó:</i>		
▪ FUEVFNVD - Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	12.268.321.434	12.317.376.977
▪ E1VFN30 - Quỹ ETF DCVFMVN30	4.388.722.099	4.231.178.902
▪ VFMVSF - Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc	2.315.882.304	2.140.847.415
▪ DCDS - Quỹ đầu tư Chứng khoán Năng động DC	2.356.925.331	2.453.234.156
▪ DCBF - Quỹ đầu tư Trái phiếu DC	397.719.117	466.811.916
▪ DCBC - Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu DC	684.944.718	700.445.201
▪ DCIP - Quỹ đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cổ định DC	284.708.361	318.923.223
▪ FUEDCMID - Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP	56.069.235	52.580.000
▪ PHUCAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Phúc An	17.838.208	44.740.117
▪ THINHAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Thịnh An	30.339.662	64.119.157
▪ VINHAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Vĩnh An	37.583.845	15.756.611
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.290.156.842	437.224.640
<i>Trong đó:</i>		
▪ Các nhà đầu tư ủy thác trong nước	1.290.156.842	437.224.640
	103.574.007.504	98.217.254.263

- (i) Các khoản phải thu từ các bên liên quan về hoạt động tư vấn và quản lý không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	1.445.178.083	303.452.054
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	221.123.288	673.939.349
Đặt cọc hợp đồng dịch vụ phát triển phần mềm	2.667.493.362	-
Phải thu khác	482.500.000	275.500.000
	4.816.294.733	1.252.891.403

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	6.177.165.690	6.154.723.650
Đặt cọc thuê nhà	504.625.700	504.625.700
Phải thu khác	206.510.000	227.270.000
	6.888.301.390	6.886.619.350

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	13.416.415.182	9.481.572.900	22.897.988.082
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	9.106.548.772	2.765.458.763	11.872.007.535
Khấu hao trong kỳ	913.357.400	790.131.075	1.703.488.475
Số dư cuối kỳ	10.019.906.172	3.555.589.838	13.575.496.010
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	4.309.866.410	6.716.114.137	11.025.980.547
Số dư cuối kỳ	3.396.509.010	5.925.983.062	9.322.492.072



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	11.165.909.798	9.481.572.900	20.647.482.698
Tăng trong kỳ	923.178.384	-	923.178.384
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	12.089.088.182	9.481.572.900	21.570.661.082
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.561.201.147	1.185.196.613	8.746.397.760
Khấu hao trong kỳ	625.704.848	790.131.075	1.415.835.923
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	8.186.905.995	1.975.327.688	10.162.233.683
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	3.604.708.651	8.296.376.287	11.901.084.938
Số dư cuối kỳ	3.902.182.187	7.506.245.212	11.408.427.399
<hr/>			

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản cố nguyên giá là 6.245.986.068 VND (31/12/2022: 5.923.584.318 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	89.257.491.279	17.131.690.596
Tăng trong kỳ	-	502.200.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	4.782.019.697	610.800.000
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	94.039.510.976	18.244.690.596
	<hr/>	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	12.956.805.277	9.086.308.307
Khấu hao trong kỳ	8.633.561.554	1.499.505.438
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	21.590.366.831	10.585.813.745
	<hr/>	<hr/>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	76.300.686.002	8.045.382.289
Số dư cuối kỳ	72.449.144.145	7.658.876.851
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 3.071.213.046 VND (31/12/2022: 2.693.213.046 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	13.746.102.699	33.802.980.889
Tăng trong kỳ	26.312.852.703	33.131.365.256
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(4.782.019.697)	(610.800.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12(b))	-	(2.799.800.604)
Số dư cuối kỳ	35.276.935.705	63.523.745.541

Chi tiết của xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Phần mềm quản lý đầu tư - Dịch vụ quản lý tài sản ("AMS")	16.151.585.330	8.305.540.844
Phần mềm giao dịch đầu tư	12.135.240.765	-
Phần mềm hỗ trợ dịch vụ quản lý tài sản	3.885.438.860	-
Phần mềm quản lý dữ liệu doanh nghiệp - hệ thống IRIS	108.856.500	1.735.756.691
Khác	2.995.814.250	3.704.805.164
Tổng cộng	35.276.935.705	13.746.102.699

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc/Giá trị ghi sổ	
	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu niêm yết được phát hành bởi:		
▪ Công ty Cổ Phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	44.398.099.673	42.788.840.687
▪ Công ty Cổ Phần Chứng khoán VNDirect (VND)	-	18.885.125.111
	44.398.099.673	61.673.965.798

Trái phiếu niêm yết bao gồm trái phiếu do CII phát hành lần lượt đáo hạn vào ngày 21 tháng 10 năm 2024 có lãi suất 9,5%/năm (31/12/2022: trái phiếu niêm yết bao gồm trái phiếu do CII và VND phát hành lần lượt đáo hạn vào ngày 21 tháng 10 năm 2024 và ngày 7 tháng 3 năm 2024 và có lãi suất từ 8,2% đến 9,5%/năm).

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Chi phí thuê	7.849.172.445	6.164.272.410
Phúc lợi cho nhân viên	6.045.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	79.364.589	123.905.186
Chi phí trả trước khác	2.992.008.801	1.766.098.058
	16.965.545.835	8.054.275.654

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	13.656.790.265	18.974.359.082	32.631.149.347
Tăng trong kỳ	1.505.134.000	-	1.505.134.000
Phân bổ trong kỳ	(2.680.030.345)	(4.832.554.948)	(7.512.585.293)
Số dư cuối kỳ	12.481.893.920	14.141.804.134	26.623.698.054
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	4.202.269.465	16.605.464.756	20.807.734.221
Tăng trong kỳ	3.886.250.165	1.209.078.804	5.095.328.969
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.799.800.604	-	2.799.800.604
Phân bổ trong kỳ	(1.255.429.288)	(3.340.495.457)	(4.595.924.745)
Số dư cuối kỳ	9.632.890.946	14.474.048.103	24.106.939.049

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho:</i>			
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	19.655.429.990	16.515.596.671

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác có số tiền gốc là 10 tỷ VND liên quan đến việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ ngày 19 tháng 1 năm 2018 giữa Công ty và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (“VFMVF2”).

Theo đó, Công ty nhận chuyển giao từ VFMVF2 quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 2407/HĐKT-M&C mà VFMVF2 đã ký với Công ty Cổ phần M&C (“M&C”) vào ngày 8 tháng 11 năm 2007 (“Hợp đồng 2407”) về việc cùng đầu tư xây dựng Dự án Cao ốc Sài Gòn M&C ở tại số 34 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án”) do Công ty Cổ phần Sài Gòn One Tower (trước đây là Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn M&C - là công ty con của Công ty Cổ phần M&C tại ngày ký Hợp đồng 2407) là chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng 2407, VFMVF2 góp vốn đầu tư xây dựng Dự án bằng tiền để nhận lại kết quả đầu tư là diện tích sàn căn hộ dự án sau khi Dự án được hoàn tất. Dự án đã tạm ngưng thi công từ năm 2011 và đang được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) thu giữ nhằm mục đích xử lý, thu hồi nợ của các tổ chức có liên quan. Theo đó, Công ty không ghi nhận phần chia phát sinh từ hoạt động đồng kiểm soát tài sản theo Hợp đồng 2407.

Theo Nghị quyết số 06/VF2-2017/NQĐH của Đại hội Nhà đầu tư thường niên của VFMVF2 ngày 14 tháng 12 năm 2017, sau khi giải thể VFMVF2, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục khởi kiện M&C ra tòa án do vi phạm hợp đồng hoặc chuyển nhượng lại tài sản này cho bên thứ ba. Trong trường hợp số tiền thanh toán từ bên thứ ba hoặc khoản tiền bồi thường mà Công ty nhận được từ M&C cao hơn 10.000 triệu VND, Công ty sẽ chi trả phần chênh lệch cho các thành viên góp vốn của VFMVF2 theo tỷ lệ sở hữu của mỗi thành viên này sau khi trừ đi chi phí chuyển nhượng, khởi kiện hoặc thu hồi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập 100% (31/12/2022: 100%) dự phòng đối với tài sản này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2023 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	31/12/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Yoong Software	1.399.740.000	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ phát triển Hệ thống Sharpensols	1.358.351.949	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Du Lịch Ánh Sao Thiên	-	2.050.350.460
GoldenSource Corporation	-	357.322.105
Các nhà cung cấp khác	441.614.143	2.015.964.694
	3.199.706.092	4.423.637.259

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.816.327.222	40.804.803.965	(52.095.472.427)	33.525.658.760
Thuế thu nhập cá nhân	13.225.431.646	58.201.518.981	(60.620.175.418)	10.806.775.209
Thuế nhà thầu nước ngoài	249.424.584	2.856.482.801	(2.751.324.027)	354.583.358
Thuế giá trị gia tăng	-	73.146.364	(73.146.364)	-
Các loại thuế khác	(10.548.044)	380.273.675	(380.273.675)	(10.548.044)
	58.280.635.408	102.316.225.786	(115.920.391.911)	44.676.469.283

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Lương và thưởng theo thành tích	76.580.750.315	61.575.579.548
Phí giới thiệu	7.264.030.051	6.042.863.901
Phí tư vấn	2.467.009.853	2.626.150.618
Phí dịch vụ chuyên môn	739.555.611	826.600.000
Chi phí khác	1.225.804.115	1.506.789.285
	88.277.149.945	72.577.983.352

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023		31/12/2022	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.141.943	311.419.430.000	31.141.943	311.419.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	31.141.943	311.419.430.000	31.141.943	311.419.430.000

Cơ cấu cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	15.534.602	155.346.020.000	49,88
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe)	14.977.341	149.773.410.000	48,09
▪ Nhân viên công ty	630.000	6.300.000.000	2,03
	31.141.943	311.419.430.000	100,00

Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe) và Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK) được thành lập lần lượt tại Vương Quốc Anh và Hồng Kông.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu có quyền biểu quyết một lần tại các cuộc họp của các cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tùy từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông được xếp hạng như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có sự biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

19. Cổ tức

Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 31 tháng 3 năm 2023, trong cuộc họp ngày 10 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2022 với số tiền là 93.425.829.000 VND (tương đương 3.000 VND trên một cổ phiếu).

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Trong vòng một năm	25.882.660.562	27.915.056.974
Trong vòng hai đến năm năm	33.621.692.224	55.652.763.524
	<u>59.504.352.786</u>	<u>83.567.820.498</u>

(b) Ngoại tệ

	30/6/2023		31/12/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	158.525	3.712.647.303	38.346	898.436.704

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

21. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nhà đầu tư đứng tên		
D001 (i)	3.735.280.714	9.642.235.766
D002 (ii)	1.049.925.688	50.000.000
D003 (iii)	84.395.834	35.766.287
	4.869.602.236	9.728.002.053

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) **D001**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	9.642.235.766	4.421.719.864
Tăng trong kỳ	156.493.478.334	157.811.047.179
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	14.964.715.300	30.469.628.900
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn	-	20.000.000.000
Tiền thu từ bán chứng khoán	140.525.536.806	107.001.991.268
Lãi tiền gửi đã nhận	149.726.028	45.350.676
Tăng khác	853.500.200	294.076.335
Giảm trong kỳ	(162.400.433.386)	(143.171.042.547)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	-	(23.000.000.000)
Tiền chi mua chứng khoán	(148.003.812.199)	(103.388.449.770)
Nhà đầu tư ủy thác rút tiền	(12.853.673.300)	(15.306.668.149)
Tiền chi trả phí quản lý	(1.542.947.887)	(1.475.924.628)
	3.735.280.714	19.061.724.496

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) D002

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	50.000.000	-
Tăng trong kỳ	172.981.290.750	1.667.888.729.492
<i>Tiền thu từ bán trái phiếu</i>	144.347.851.617	307.349.235.618
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	28.583.439.133	251.602.682
<i>Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	50.000.000	320.000.000.000
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	760.050.000.032
<i>Tiền thu từ bán chứng khoán</i>	-	280.237.891.160
Giảm trong kỳ	(171.981.365.062)	(1.639.547.597.177)
<i>Nhà đầu tư ủy thác rút tiền</i>	(170.717.020.848)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(1.261.882.238)	(1.904.778.600)
<i>Gửi tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	(367.000.000.000)
<i>Tiền chi mua trái phiếu</i>	-	(807.791.409.700)
<i>Tiền chi mua chứng khoán</i>	-	(462.785.908.783)
<i>Giảm khác</i>	(2.461.976)	(65.500.094)
Số dư cuối kỳ	1.049.925.688	28.341.132.315

(iii) D003

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	35.766.287	26.147.953
Tăng trong kỳ	101.121.389.221	31.814.056.939
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	5.139.420.700	4.267.271.100
<i>Tiền thu từ bán trái phiếu</i>	50.641.537.718	-
<i>Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	41.890.000.000	24.150.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	3.450.430.803	3.396.785.839
Giảm trong kỳ	(101.072.759.674)	(29.160.547.370)
<i>Gửi tiền gửi có kỳ hạn</i>	(44.230.000.000)	(23.500.000.000)
<i>Tiền chi mua trái phiếu</i>	(55.023.268.272)	(4.532.016.282)
<i>Nhà đầu tư ủy thác rút tiền</i>	(1.180.784.800)	(605.578.000)
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(638.706.602)	(522.953.088)
Số dư cuối kỳ	84.395.834	2.679.657.522

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

22. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Cổ phiếu niêm yết	110.151.671.573	102.205.876.975
Trái phiếu niêm yết	258.676.018.420	236.503.838.840
Trái phiếu chưa niêm yết	384.942.476.301	518.008.846.161
Tiền gửi có kỳ hạn	26.490.000.000	24.150.000.000
	<hr/>	<hr/>
	780.260.166.294	880.868.561.976

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác và do các nhà đầu tư này đứng tên như sau:

	Mã số	Số lượng	30/6/2023		Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	31/12/2022		Dự phòng giảm giá VND
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	
Cổ phiếu niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	90.000	7.367.633.193	9.000.000.000	-	70.000	5.166.199.507	5.600.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	235.000	7.285.133.605	7.602.250.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	280.000	5.916.987.975	7.322.000.000	-	200.000	3.102.516.305	3.600.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB	300.000	5.556.730.367	6.060.000.000	-	200.000	3.341.460.092	3.420.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	280.000	5.406.626.884	5.558.000.000	-	500.000	8.803.393.434	8.950.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	100.000	4.571.178.670	4.330.000.000	(241.178.670)	170.000	8.054.691.382	7.293.000.000	(761.691.382)
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	201.250	4.067.125.797	4.437.562.500	-	80.000	1.672.344.004	1.752.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần FPT	FPT	55.000	3.964.297.709	4.730.000.000	-	110.000	7.842.732.560	8.459.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	55.000	3.884.477.990	3.905.000.000	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	168.000	3.726.244.018	5.006.400.000	-	210.000	4.093.046.713	4.725.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	168.000	3.320.606.981	4.334.400.000	-	140.000	2.397.217.282	2.478.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	68.000	3.320.359.426	3.740.000.000	-	70.000	3.413.151.418	3.360.000.000	(53.151.418)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HDG	95.000	3.146.031.856	3.676.500.000	-	100.000	2.868.240.084	3.140.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG	108.000	2.926.132.577	3.186.000.000	-	110.000	2.750.991.909	2.997.500.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	KDH	100.000	2.479.682.413	3.080.000.000	-	120.000	2.823.348.678	3.180.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	138.000	2.381.988.168	2.380.500.000	(1.488.168)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Tài	PTB	50.000	2.243.084.762	2.377.500.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	68.000	2.046.463.313	2.244.000.000	-	110.000	2.712.352.434	3.410.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDS	148.000	2.016.086.160	2.020.200.000	-	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Viglacera	VGC	50.000	1.962.887.196	2.130.000.000	-	40.000	1.543.977.498	1.352.000.000	(191.977.498)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả	HHV	146.260	1.910.146.112	2.230.465.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	HDC	68.000	1.893.375.088	1.904.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	DPG	58.000	1.789.707.928	1.890.800.000	-	90.000	2.666.428.653	2.565.000.000	(101.428.653)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Số lượng	30/6/2023			31/12/2022			Dự phòng giảm giá VND
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	VCI	70.000	1.648.153.769	2.562.000.000	-	100.000	2.318.253.981	2.325.000.000	-
▪ Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW	128.000	1.621.716.453	1.715.200.000	-	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	70.000	1.423.230.566	2.054.500.000	-	110.000	1.998.159.417	2.662.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	VIB	72.000	1.390.367.428	1.414.800.000	-	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	PVD	68.000	1.373.241.130	1.666.000.000	-	150.000	2.515.783.018	2.677.500.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	NT2	41.400	1.311.559.353	1.237.860.000	(73.699.353)	60.000	1.587.923.459	1.731.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh và Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	GIL	48.000	1.304.838.188	1.279.200.000	(25.638.188)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	SZC	38.000	1.258.211.806	1.373.700.000	-	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty IDICO	IDC	28.000	1.230.488.368	1.187.200.000	(43.288.368)	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	30.000	1.205.287.909	1.300.500.000	-	90.000	3.364.423.542	3.474.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	88.000	1.172.155.600	1.306.800.000	-	180.000	2.016.096.112	2.295.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	58.000	1.106.823.907	1.096.200.000	(10.623.907)	120.000	1.483.779.603	1.620.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	DRC	50.000	1.084.327.368	1.097.500.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần FECON	FCN	68.000	1.050.090.174	1.043.800.000	(6.290.174)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang	SKG	48.000	1.020.543.522	998.400.000	(22.143.522)	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	VCG	48.000	983.304.003	1.000.800.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	SHS	68.000	926.187.200	897.600.000	(28.587.200)	-	-	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	SHB	68.000	870.003.050	850.000.000	(20.003.050)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần May xuất khẩu Thái Nguyên	TNG	50.000	844.786.859	950.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	VOS	68.000	786.494.644	860.200.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	ASM	68.000	756.546.381	720.800.000	(35.746.381)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	HT1	48.000	723.545.960	777.600.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Thế giới số	DGW	20.000	681.684.329	832.000.000	-	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	DIG	38.000	676.413.563	799.900.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	30.000	518.681.855	504.000.000	(14.681.855)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	-	-	-	-	40.000	3.107.571.921	3.596.000.000	-
▪ Tổng Công ty Khí Việt Nam	GAS	-	-	-	-	30.000	3.597.543.425	3.045.000.000	(552.543.425)
▪ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	-	-	-	-	120.000	2.330.470.469	2.640.000.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC

ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Số lượng	30/6/2023			31/12/2022			
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	-	-	-	-	35.000	2.554.086.984	2.443.000.000	(111.086.984)
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	DPM	-	-	-	-	55.000	2.173.242.708	2.362.250.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	-	-	-	-	40.000	2.523.657.817	2.356.000.000	(167.657.817)
▪ Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	-	-	-	-	30.000	2.028.131.083	2.070.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	-	-	-	-	75.000	2.173.515.194	1.987.500.000	(186.015.194)
▪ Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	-	-	-	-	70.000	1.897.078.788	1.841.000.000	(56.078.788)
▪ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	BCM	-	-	-	-	15.000	1.284.067.501	1.209.000.000	(75.067.501)
			110.151.671.573		(523.368.836)		102.205.876.975		(2.256.698.660)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC

ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Số lượng	30/6/2023			31/12/2022			Dự phòng giảm giá VND
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	
Trái phiếu niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	CII121029	1.100.000	109.159.269.863	109.159.600.000	-	1.100.000	109.159.269.863	109.159.600.000	-
▪ Công ty Cổ phần TNG Holdings Việt Nam	TNG122017	609.756	60.975.600.000	60.975.600.000	-	609.756	60.975.600.000	62.653.648.512	-
▪ Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	BAF122029	406.091	40.572.251.414	40.572.145.719	(105.695)	406.091	40.572.251.414	40.678.135.470	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	CII1210299	159.500	15.857.097.127	15.857.097.152	-	140.000	13.919.185.361	13.919.185.420	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN1210131	100.000	9.965.687.053	9.965.687.100	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID1210284	108.000	9.402.305.040	9.400.320.000	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG1210308	100.000	8.956.982.996	8.956.983.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San	MSN1210156	37.552	3.786.824.927	3.799.018.039	-	37.552	3.786.824.927	3.786.824.943	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC121020	-	-	-	-	80.000	8.090.707.275	7.990.484.000	(100.223.275)
			258.676.018.420		(105.695)		236.503.838.840		(100.223.275)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Số lượng	30/6/2023			31/12/2022			Dự phòng giảm giá VND
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	
Trái phiếu chưa niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	KDHH2225001	200	200.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	200	200.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVLH2124002	675.000	66.806.183.836	Chưa xác định	Chưa xác định	750.000	74.229.093.151	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Crescent Point Energy	CPGCH2225001	500	50.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	500	50.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDSH2224001	25.000	25.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	25.000	25.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDSH2223005	22.500	22.500.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	45.000	45.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH140625	10	9.969.247.534	Chưa xác định	Chưa xác định	10	9.969.247.534	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH230825	6	5.767.044.931	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1	TP.PC1	34	3.400.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	34	3.400.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	VN0PDR021223	15	1.500.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	30	3.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBCH2123002	-	-	Chưa xác định	Chưa xác định	850.000	84.912.687.671	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	VN0DXG180323	-	-	Chưa xác định	Chưa xác định	120	12.007.713.969	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	VN0PDR020223	-	-	Chưa xác định	Chưa xác định	90	8.990.103.836	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VN0VDS150323	-	-	Chưa xác định	Chưa xác định	1.500	1.500.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
			384.942.476.301				518.008.846.161		

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

		30/6/2023			31/12/2022				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Tiền gửi có kỳ hạn									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	2	10.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	6	15.590.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	10	16.490.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	5	8.560.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
			26.490.000.000				24.150.000.000		
			780.260.166.294				880.868.561.976		

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mệnh giá của các trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi như sau:

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
▪ Trái phiếu chưa niêm yết	385.900.000.000	518.900.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	26.490.000.000	24.150.000.000
	<hr/>	<hr/>
	412.390.000.000	543.050.000.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các chứng khoán này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 125 hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

23. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phải thu trái phiếu đáo hạn	55.660.547.945	105.515.068.493
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	20.745.587.791	20.128.702.572
Phải thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	1.311.645.500	4.058.489.300
Phải thu từ bán chứng khoán	2.776.641.749	1.531.586.669
Cổ tức phải thu	345.500.000	200.500.000
Phải thu chứng chỉ tiền gửi đáo hạn	2.383.546.901	-
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1.178.082	130.466.302
	<hr/>	<hr/>
	83.224.647.968	131.564.813.336
	<hr/>	<hr/>

24. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	1.290.156.842	437.224.640
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	347.996.021.217	450.062.839.403
Phí quản lý		
▪ Hoạt động quản lý quỹ (i)	134.474.639.718	139.499.769.350
▪ Hoạt động quản lý danh mục đầu tư ủy thác (ii)	2.874.902.564	3.672.732.583
Phí mua lại chứng chỉ quỹ (iii)	2.328.233.529	6.626.916.183
	487.673.797.028	599.862.257.519

- (i) Công ty hiện đang quản lý các quỹ DCDS, DCBC, DCBF, DCIP, VFMVFA, VFMVSF, E1VFN30, FUEVFN30 và FUEDCMID là các quỹ đầu tư chứng khoán; VINHAN, PHUCAN và THINHAN là các quỹ hưu trí. Tất cả các quỹ này đều được thành lập tại Việt Nam. Trong đó, VFMVFA đang trong quá trình giải thể. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tên viết tắt	Loại hình	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày 30/6/2023 VND
DCDS	Quỹ mở	▪ Số 05/GCN-UBCK ngày 8 tháng 10 năm 2013 và Số 17/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	1.320.667.961.843
DCBC	Quỹ mở	▪ Số 06/GCN-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2013 và Số 15/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	363.249.986.341
DCBF	Quỹ mở	▪ Số 04/GCN-UBCK ngày 10 tháng 6 năm 2013 và Số 16/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	390.448.103.421
DCIP	Quỹ mở	▪ Số 36/GCN-UBCK ngày 3 tháng 4 năm 2019 và Số 14/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	288.870.623.140
VFMVFA	Quỹ mở	▪ Số 03/UBCK-GCN ngày 18 tháng 4 năm 2013	30.970.678
VFMVSF	Quỹ mở	▪ Số 31/GCN-UBCK ngày 02 tháng 3 năm 2018	3.800.004.775.163
E1VFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 14/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2014 và Số 06/GCN-UBCK ngày 28 tháng 4 năm 2021	8.141.558.080.623
FUEVFVND	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 và Số 13/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	19.082.391.579.937
FUEDCMID	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 40/GCN-UBCK ngày 23 tháng 8 năm 2022	86.033.628.257
VINHAN	Quỹ mở	▪ Số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Thông báo số 047/DCVFM/TB-QHTBSTN ngày 26 tháng 1 năm 2021	19.948.759.339
PHUCAN	Quỹ mở		29.823.783.274
THINHAN	Quỹ mở		36.006.882.203

Công ty được nhận phí quản lý từ các quỹ DCDS, DCBC, DCBF, DCIP, VFMVSF, FUEVFVND, E1VFN30, FUEDCMID, VINHAN, PHUCAN, THINHAN như sau:

Quỹ	Phí quản lý
DCDS	1,95% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBC	1,93% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBF	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCIP	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VFMVSF	0,75% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
E1VFN30	0,65% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEVFVND	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEDCMID	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VINHAN	1,10% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
PHUCAN	1,30% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
THINHAN	1,50% của giá trị tài sản ròng mỗi năm

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (ii) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với các nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động. Phí thường hoạt động chỉ được nhận nếu các điều kiện nhất định được nêu trong các hợp đồng đầu tư ủy thác được đáp ứng. Không có khoản phí thường hoạt động nào phải thu từ các nhà đầu tư ủy thác cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 vì các điều kiện không được đáp ứng.
- (iii) Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ như sau:

Quỹ	Tổng phí phát hành	Tổng phí mua lại
DCDS	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBC	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBF	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 2,00% giá trị chứng chỉ quỹ
DCIP	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,10% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVSF	0,00% - 3,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
E1VFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEVFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEDCMID	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
VINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
PHUCAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
THINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	2.567.865.186	6.494.718.131
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.532.488.400	4.919.553.032
Thu nhập lãi từ trái phiếu doanh nghiệp	8.518.888.291	2.312.781.732
Cổ tức	-	1.048.320.000
	13.619.241.877	14.775.372.895

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(7.781.066.525)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	345.302.505	42.784.540
Phí ngân hàng	159.048.193	121.878.186
	<hr/>	<hr/>
	(7.276.715.827)	164.662.726

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên	229.011.602.008	248.011.391.291
Chi phí thuê văn phòng	36.816.985.222	35.334.391.780
Chi phí giới thiệu khách hàng	14.478.590.112	10.482.830.014
Phí dịch vụ chuyên môn	7.089.368.813	5.961.063.766
Phí quảng cáo, phí đăng báo	2.275.800.967	5.902.025.673
Phí công tác và phí đi lại	7.501.924.362	4.597.473.080
Chi phí thuê nhà cho nhân viên nước ngoài	4.125.570.786	4.159.371.972
Chi phí mua thông tin	2.421.368.840	2.921.073.579
Khấu hao và phân bổ	10.337.050.029	2.915.341.361
Chi phí tài trợ	3.877.896.000	304.585.000
Chi phí chăm sóc khách hàng	2.008.790.784	1.438.370.100
Chi phí tiếp khách	1.916.637.637	1.598.368.302
Chi phí tuyển dụng	977.865.240	1.266.873.324
Phí đào tạo và hội thảo	861.658.327	931.137.825
Chi phí khác	2.641.855.744	3.433.521.278
	<hr/>	<hr/>
	326.342.964.871	329.257.818.345

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

29. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu từ thanh lý tài sản khác	3.636.364	-
Phí đại diện	-	159.340.687
	3.636.364	159.340.687

30. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Ủng hộ, tài trợ tiền cho Trung tâm Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng và phát triển (“COHED”) phòng chống dịch Covid-19	-	567.500.000
	-	567.500.000

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	40.804.803.965	48.885.152.390
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(3.139.833.319)	8.443.476.194
	37.664.970.646	57.328.628.584

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	182.230.426.225	284.806.990.030
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	36.446.085.245	56.961.398.006
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.218.885.401	576.894.578
Thu nhập không bị tính thuế	-	(209.664.000)
	37.664.970.646	57.328.628.584

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023	31/12/2022
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	VND	VND
Các quỹ do Công ty quản lý					
▪ DCDS	Phí quản lý	12.276.449.083	16.483.810.684	2.113.012.199	2.150.379.709
	Phí phát hành	-	-	-	302.854.447
	Phí mua lại	1.612.879.333	4.498.973.307	243.913.132	-
▪ DCBC	Phí quản lý	3.470.232.480	5.862.738.045	576.370.601	623.122.739
	Phí phát hành	-	-	-	77.322.462
	Phí mua lại	525.614.787	630.630.565	108.574.117	-
▪ DCBF	Phí quản lý	2.380.408.009	5.125.044.173	384.012.671	466.811.916
	Phí mua lại	174.283.123	1.406.766.722	13.706.446	-
▪ DCIP	Phí quản lý	1.739.061.194	1.735.502.073	284.418.679	318.017.401
	Phí phát hành	-	-	-	905.822
	Phí mua lại	1.536.564	55.219.228	289.682	-
▪ VFMVSF	Phí quản lý	13.224.626.841	19.073.339.506	2.315.882.304	2.140.847.415
▪ E1VFN30	Phí quản lý	26.685.974.975	29.723.089.226	4.388.722.099	4.231.178.902
▪ FUEVFNVD	Phí quản lý	74.022.261.711	61.267.408.634	12.268.321.434	12.317.376.977

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023	31/12/2022
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	VND	VND
▪ FUEDCMID	Phí quản lý	314.061.048	-	56.069.235	52.528.000
▪ THINHAN	Phí quản lý	196.079.423	123.895.500	30.339.662	64.119.157
	Phí mua lại	4.715.073	4.575.125	-	-
▪ PHUCAN	Phí quản lý	127.928.546	93.799.139	17.838.208	44.740.117
	Phí mua lại	3.150.719	27.903.945	-	-
▪ VINHAN	Phí quản lý	37.556.408	16.836.954	37.583.845	15.756.611
	Phí mua lại	6.053.930	2.847.291	-	-
Các công ty liên quan khác					
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	347.996.021.217	450.062.839.403	79.444.796.348	74.974.015.948

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

33. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 144.565.455.579 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 227.478.361.446 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 31.141.943 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 31.141.943 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(b) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	144.565.455.579	227.478.361.446

(c) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Cổ phiếu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	31.141.943	31.141.943

(d) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND/cổ phiếu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.642	7.305

(e) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

34. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	137.830.300.186	77.798.893.097
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	(iii)	18.655.205.841	46.316.971.030
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	(iii)	44.398.099.673	61.673.965.798
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(iv)	103.574.007.504	98.217.254.263
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	4.816.294.733	1.252.891.403
Phải thu dài hạn khác	(iv)	6.888.301.390	6.886.619.350
Tài sản dài hạn khác	(v)	10.000.000.000	10.000.000.000
		326.162.209.327	302.146.594.941

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp do các tổ chức uy tín phát hành. Ban Giám đốc không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp này và tin rằng các tổ chức này sẽ không vỡ nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư và quản lý quỹ, phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ các quỹ thuộc quản lý của Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Không có khoản phải thu nào bị quá hạn hoặc bị tổn thất tại các ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(v) Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác là được quyền chuyển nhượng từ VFMVF2 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 14. Rủi ro tín dụng được coi là tối đa do Ban Giám đốc đánh giá rằng tài sản này có thể không thu hồi được.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	3.199.706.092	3.199.706.092	3.199.706.092
Chi phí phải trả	11.696.399.630	11.696.399.630	11.696.399.630
Phải trả ngắn hạn khác	4.859.645.981	4.859.645.981	4.859.645.981
	19.755.751.703	19.755.751.703	19.755.751.703

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	4.423.637.259	4.423.637.259	4.423.637.259
Chi phí phải trả	11.002.403.804	11.002.403.804	11.002.403.804
Phải trả ngắn hạn khác	4.305.844.029	4.305.844.029	4.305.844.029
	19.731.885.092	19.731.885.092	19.731.885.092

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	13.830.300.186	6.198.893.097
Các khoản tương đương tiền	124.000.000.000	71.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	63.053.305.514	107.990.936.828

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2023	31/12/2022
	VND	VND
<i>Bằng USD</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	3.712.647.303	898.436.704
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	79.444.796.348	74.974.015.948
	<hr/>	<hr/>
	83.157.443.651	75.872.452.652

Nếu USD mạnh lên hoặc yếu đi 1% so với VND (31/12/2022: 4%) với tất cả các yếu tố khác không đổi thì mức tăng hoặc giảm tương ứng của lợi nhuận sau thuế sẽ là 665.259.549 VND (31/12/2022: 2.427.918.807 VND).

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và không niêm yết. Giá trị của các cổ phiếu này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá cổ phiếu bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, giá thị trường của chứng chỉ quỹ niêm yết do Công ty nắm giữ là 63.411.000.000 VND (31/12/2022: 55.890.000.000 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 13% tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (31/12/2022: 15%) trong khi tất cả các yếu tố khác không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm 6.594.744.000 VND (31/12/2022: 6.706.800.000 VND).

Rủi ro giá cổ phiếu đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến chứng chỉ quỹ chưa niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết tại Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng các phương pháp thích hợp có tính đến nhiều yếu tố, điều đó có nghĩa là các khoản đầu tư chưa niêm yết này cũng chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	63.053.305.514	69.582.999.998	107.990.936.828	107.990.936.828
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh	502.114.013.960	547.274.520.070	510.192.706.548	523.437.249.604
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	137.960.497.495	137.960.497.495	77.912.790.881	77.912.790.881
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	103.574.007.504	103.574.007.504	98.217.254.263	98.217.254.263
▪ Phải thu ngắn hạn khác	4.816.294.733	4.816.294.733	1.252.891.403	1.252.891.403
▪ Phải thu dài hạn khác	6.888.301.390	6.888.301.390	6.886.619.350	6.886.619.350
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(3.199.706.092)	(3.199.706.092)	(4.423.637.259)	(4.423.637.259)
▪ Chi phí phải trả	(11.696.399.630)	(11.696.399.630)	(11.002.403.804)	(11.002.403.804)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(4.859.645.981)	(4.859.645.981)	(4.305.844.029)	(4.305.844.029)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Chứng khoán kinh doanh

Đối với chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm đã niêm yết), giá trị hợp lý là giá đóng cửa vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM và doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá trị hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên tiếp gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, giá thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch trên UPCOM, Công ty xác định dự phòng rủi ro cho từng chứng khoán bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

35. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)


Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

36. Các yếu tố theo mùa vụ hoặc chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ hoặc chu kỳ.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

